

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HS-ST

Ngày 03/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Phạm Quốc Thân
+ Ông Nguyễn Thành Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Đào, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

L (Tên gọi khác: L Khênh), sinh năm 1998, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp T, xã Q, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L, sinh năm 1975 và bà X, sinh năm 1981. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 04 anh chị em.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 30/3/2020, bị Công an xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã đóng phạt).

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/5/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Khu phố L, phường V, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh TT, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu 3, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh

Đồng Nai. Có mặt.

2/ Anh P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu 3, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3/ Anh H, sinh năm 2001. Địa chỉ: Tổ 26B, khu phố 2, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 15/3/2020, L gặp anh T, sinh năm 2001, trú tại Khu phố L, phường V, thành phố K, tỉnh Đồng Nai, tại khu vực ruộng thuộc Ấp T, xã Q, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Do có mối quan hệ bạn bè quen biết từ trước nên L hỏi mượn anh T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Exciter mang biển số 60B6 – 046.26 của anh T đang dựng gần đó để đi mua đồ, anh T đồng ý. Sau khi mượn được xe của anh T, L mở cốp xe để kiểm tra xăng thì phát hiện thấy bên trong cốp xe anh T có 01 cái ví nhỏ bên trong có để giấy đăng ký xe. Lúc này, do không có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh T. L điều khiển xe mô tô đến một cửa hàng mua bán xe máy cũ trên đường Khổng Tử, thuộc thành phố Long Khánh để cầm cố nhưng chủ cửa hàng không đồng ý. Sau đó L điều khiển xe đến nhà bạn của L tên P, sinh năm 1995, trú tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai (L và P là các đối tượng đã cùng sử dụng trái phép chất ma túy chung với nhau). Tại đây, L bảo P đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng thì P nói không có tiền. Nghe vậy, L bảo Phú mang chiếc xe mô tô biển số 60B6 – 046.26 đi cầm cố lấy tiền, L nói cho Phú biết chiếc xe này là của L đã mua lại của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên. P đồng ý và cùng L mang xe đến tiệm cầm đồ Thanh Tâm, do anh TT, sinh năm 1977, trú tại khu 3, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai làm chủ, cách nhà của P khoảng 300m để cầm cố. Tại đây, L sử dụng chứng minh nhân dân số 272762150 mang tên H, sinh năm 1999, trú tại ấp Thọ Trung, xã Xuân Thọ, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai (L nhặt được chứng minh nhân dân này tại nhà nghỉ Thùy Dung) để đứng tên giao dịch trong hợp đồng và cầm cố. Anh T đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô với giá 8.000.000 đồng. Sau khi cầm cố xe mô tô xong, cả hai cùng về nhà P, L hỏi mượn chiếc xe mô tô của gia đình P và điều khiển đến khu vực ngã ba Tân Phong mua ma túy hết số tiền 2.000.000 đồng. L rủ P cùng một người bạn của P đến quán “Mười Kiêu” thuộc ấp T, xã BT, thành phố K, tỉnh Đồng Nai ăn uống, hát Karaoke. Sau đó P và bạn của P đi về và P xin L số tiền 500.000 đồng để mua ma túy sử dụng còn L đến thuê phòng số 4, nhà nghỉ TD để nghỉ. Sau khi bị L chiếm đoạt xe, anh T đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an, đến 21 giờ cùng ngày, Công an xã Bàu Trâm kiểm tra hành chính nhà nghỉ TD và mời L về trụ sở làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 33/HĐĐGTSTTTHS, ngày 08/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố

Long Khánh, kết luận: Một xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 60B6 – 046.26, xe đã qua sử dụng (thời điểm ngày 15/3/2020), có giá trị là 14.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKSLK ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh TT trình bày: Anh không biết chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 60B6 – 046.26 mà bị cáo L mang đến cầm tại tiệm cầm đồ của anh là tài sản do L chiếm đoạt của người khác. Sau khi biết sự việc, anh đã giao chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra để trả lại cho người bị hại. Nay anh yêu cầu bị cáo L trả lại cho anh số tiền 8.000.000 đồng.

Người bị hại và những người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số: 74/CT-VKSLK ngày 02/7/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo L từ 16 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo L phải trả cho anh TT số tiền 8.000.000 đồng.

Tịch thu lưu hồ sơ một chứng minh nhân dân số 272762150 mang tên H, sinh năm 1999, trú trại ấp T, xã XT, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 15/3/2020, tại Ấp T, xã Q, thành phố K, lợi dụng lòng tin của anh T, bị cáo L đã mượn chiếc xe mô tô mang biển số 60B6 – 046.26 của anh T, trị giá 14.500.000 đồng để đi mua đồ. Sau khi phát hiện bên trong cốp có giấy đăng ký xe, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang xe đến tiệm cầm đồ Thanh Tâm, do anh TT, sinh năm 1977, trú tại khu 3, ấp B, xã BH, huyện L, tỉnh Đồng Nai làm chủ, cầm lấy số tiền 8.000.000 đồng và tiêu xài hết dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh T. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài, mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Khi cầm xe mô tô mang biển số 60B6 – 046.26, anh TT không biết tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo L trả bồi

thường cho anh số tiền cầm xe là 8.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T.

[6] Về xử lý vật chứng: Một xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter mang biển số 60B6 – 046.26, là tài sản hợp pháp của anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho anh T, là phù hợp với quy định pháp luật.

Cần tịch thu lưu hồ sơ đối với một chứng minh nhân dân số 272762150 mang tên H, sinh năm 1999, trú trại ấp T, xã XT, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2020.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo L phải bồi thường cho anh TT số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu lưu hồ sơ đối với một chứng minh nhân dân số 272762150 mang tên H, sinh năm 1999, trú trại ấp T, xã XT, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CATPLK;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Thị Hương

